

Số: 76/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 18 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 23

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả để khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 8858/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh phụ lục kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ THIÊN TAI, SẠT LỖ

(Kèm theo Nghị quyết số **76/NQ-HĐND** ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Kinh phí phân bổ (triệu đồng)
I	TỔNG KINH PHÍ	200.000
II	CÁC ĐỊA PHƯƠNG	82.450
1	Huyện Anh Sơn	4.700
1.1	Cầu Ông Tự, thôn Tân Thịnh, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	1.000
1.2	Cầu Động Hối, thôn Vĩnh Hương, xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn	1.700
1.3	Cầu Khe Trun, thôn 1, xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn	2.000
2	Huyện Quỳnh Châu	5.800
2.1	Hồ chứa Huồi Húng (loại nhỏ), xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	2.900
2.2	Đập tràn Phai Ngán, Hội 2 xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	2.900
3	Huyện Nghi Lộc	4.800
3.1	Đường giao thông nông thôn nối từ xóm Thái Bình đi xóm Thái Hưng, xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc	2.500
3.2	Cống điều tiết nước Cầu Cao Cửa Đền, sông Đập Họ, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	2.300
4	Huyện Quỳnh Lưu	4.200
4.1	Kênh tiêu Phù Sỹ, xã Quỳnh Hậu, Quỳnh Thạch, Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu	2.000
4.2	Cống qua kênh Vực Mấu, xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu (cống xóm 15, xã Quỳnh Văn)	600
4.3	Kênh tiêu thoát lũ đập Bàu, xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh lưu	1.600
5	Huyện Kỳ Sơn	4.600
5.1	Tuyến đường giao thông từ bản Ca Da đến ngã ba Ca Da - Xao Va, xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn	2.300
5.2	Tuyến đường giao thông từ bản Phìa Khăn 2 đến bản Huồi Cáng, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	2.300
6	Huyện Thanh Chương	5.400
6.1	Cầu Hờ, xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương	2.000
6.2	Cống Trọt Trông, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương	1.500
6.3	Tuyến đường giao thông dọc bờ sông Gang, xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương	1.900
7	Huyện Nam Đàn	6.350
7.1	Đập Kim Khánh, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn	1.000
7.2	Đập Hồng Thái, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn	1.150
7.3	Bờ Tả kênh tiêu 79, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn	1.100
7.4	Tuyến đường từ Cụm 2 sang Cụm 3, xóm Thượng Nậm, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	1.500
7.5	Cầu Cổng Âm và đường hai đầu cầu, khối Quy Chính, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn	1.600

TT	Tên công trình	Kinh phí phân bổ (triệu đồng)
8	Huyện Đô Lương	2.900
8.1	Cống tiêu nước qua đê Hữu Lam (đê Nam Bắc Đặng), đoạn qua xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương	500
8.2	Cầu Động Đền, xóm 4, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương	700
8.3	Cầu Ông Bốn, xóm 4, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương	900
8.4	Đập Mua Cua, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương	800
9	Huyện Diễn Châu	4.200
9.1	Cống Cồn Cò, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu	1.100
9.2	Cống Nãi Cầu và cống Nãi Vin, xóm 7, xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu	700
9.3	Cống, mương dẫn và tiêu nước tuyến cuối kênh N20-5A đoạn từ kênh Nhà Lê đi xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu	1.700
9.4	Kênh tưới tiêu, xóm 4, xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu	700
10	Huyện Yên Thành	5.600
10.1	Đường giao thông nông thôn xóm Yên Phú, xã Hậu Thành, huyện Yên Thành	1.400
10.2	Đập Khe Răm, xã Minh Thành, huyện Yên Thành	2.200
10.3	Đập Vũng Dài, xã Quang Thành, huyện Yên Thành	2.000
11	Huyện Tân Kỳ	3.700
11.1	Đập Nuong Triềng, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ	1.500
11.2	Mương tưới và tiêu úng xứ Đồng Cửa, xóm 2, xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	1.100
11.3	Cầu tràn Đồng Lau, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	1.100
12	Huyện Quỳnh Hợp	3.000
12.1	Cầu tràn và đường giao thông nông thôn xóm Bàn Hy và Đường giao thông nông thôn xóm Bàn Pòong, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp	3.000
13	Huyện Con Cuông	4.100
13.1	Sạt lở tại bản Tân Hợp, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	1.100
13.2	Trần số 01, thác Khe Kèm, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	1.100
13.3	Trần Bản Mọi, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	800
13.4	Tuyến đường từ trung tâm xã Châu Khê đi Đồn biên phòng Châu Khê, huyện Con Cuông	1.100
14	Huyện Quế Phong	4.850
14.1	Tuyến đường huyện lộ 332 (đường liên xã Nậm Nhoóng - Tri Lễ) tại địa phận xã Nậm Nhoóng	2.000
14.2	Tuyến đường giao thông vào các bản Hạ Sơn, Bản Đại, xã Mường Nọc (Đường H.3.36)	1.700
14.3	Tuyến đường giao thông xã Nậm Giải, (điểm bản Pòng lên bản Pục) vào các bản	1.150
15	Huyện Hưng Nguyên	4.400
15.1	Kè taluy mái dưới chân kênh tưới đập Khe Lốt, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	900
15.2	Đê kênh Thấp, đoạn Cầu Đen, xã Hưng Lợi; đoạn Cầu Mung, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	1.100
15.3	Trạm bơm Lùm, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	600
15.4	Trạm bơm Phú Xuân, xã Châu Nhân, huyện Hưng Nguyên	1.100
15.5	Cầu dân sinh xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	700

TT	Tên công trình	Kinh phí phân bổ (triệu đồng)
16	Huyện Nghĩa Đàn	2.300
16.1	Đập Kim Hồng, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	2.300
17	Huyện Tương Dương	3.900
17.1	Công trình nước sinh hoạt bản Thạch Dương, xã Xá Lượng, huyện Tương Dương	2.200
17.2	Đập Nậm Khùn, xã Tam Quang, huyện Tương Dương	1.700
18	Thị xã Hoàng Mai	2.700
18.1	Cống tiêu lũ Đồng Lạn, xã Quỳnh Trang, thị xã Hoàng Mai	2.700
19	Thị xã Thái Hòa	1.500
19.1	Cầu tràn đập Đồng Chè nối QL15A vào khối Sơn Cường, phường Quang Phong	1.500
20	Thị xã Cửa Lò	2.550
20.1	Tuyến mương tiêu úng thuộc khối Trung Thanh (từ đường Phạm Nguyễn Du xuống đường ven sông Lam), phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò	1.600
20.2	Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ khối Hải Giang 1, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò	950
21	Thành phố Vinh	900
21.1	Khắc phục 03 cống Bara tiêu nước dọc sông Vinh, thành phố Vinh	900
III	CÁC ĐƠN VỊ	117.550
1	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	2.500
1.1	Kênh chính 9A, trạm bơm 4AC, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn	2.500
2	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tây Nam Nghệ An	1.900
2.1	Hồ Cây Hồng, xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn	1.000
2.2	Đập Nà Miệu xã Mậu Đức, huyện Con Cuông	900
3	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tây Bắc Nghệ An	3.600
3.1	Đập tràn Bản Bông, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	1.100
3.2	Hồ chứa Khe Riêng, xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp	2.500
4	Công ty TNHH Thủy lợi Tân Kỳ	2.450
4.1	Thăm thân đập chính hồ Khe Thần, xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	900
4.2	Thăm thân đập chính hồ Khe Là, xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	900
4.3	Nhà quản lý và bậc lên xuống bể hút trạm bơm Cây Khế, xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ	650
5	Công ty TNHH Thủy lợi Phủ Quỳ	3.100
5.1	Cống lấy nước đập 19/5, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	1.100
5.2	Thăm thân đập Đồng Sáng, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	900
5.3	Cống lấy nước hồ Cây Bả, xã Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa	1.100
6	Công ty TNHH Thủy lợi Thanh Chương	4.000
6.1	Hệ thống kênh tưới - Hồ chứa nước Lại Lò xã Thanh Thủy, huyện Thanh Chương	1.000
6.2	Hệ thống kênh tưới - Hồ chứa nước Cửa Ông, xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương	3.000
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100.000
7.1	Sạt lở bờ sông Lam, xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn (đoạn 1)	7.000
7.2	Sạt lở bờ sông Lam, xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn (đoạn 2)	6.000
7.3	Đập dâng Nava, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	6.500
7.4	Đập Khe Cua, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	5.000

TT	Tên công trình	Kinh phí phân bổ (triệu đồng)
7.5	Cầu Cổ Hòa, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc	11.500
7.6	Hồ Đồng Cầu 2, xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	6.000
7.7	Hồ Hóc Rông, xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	6.000
7.8	Cầu Huồi Cánh, bản Huồi Cánh 1, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	11.500
7.9	Cầu Thanh Hà, xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương	5.500
7.10	Hồ chứa nước Trảng Đen, xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn	6.000
7.11	Trần Bàu Cầu, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương	4.500
7.12	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê Tả Lam, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương	3.000
7.13	Đập Khe Quýt, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	3.500
7.14	Cống Diễn Kỳ, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu	4.500
7.15	Kênh Tiêu Diễn Hoàng, xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu	4.500
7.16	Trần Bàu Sùng, xã Lãng Thành, huyện Yên Thành	3.500
7.17	Tuyến đường giao thông huyết mạch nối từ xã Nam Cát, huyện Nam Đàn đến xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	5.500

